

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1723/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 04 tháng 9 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Quy hoạch chung Khu vực cửa khẩu Chi Ma,
tỉnh Lạng Sơn đến năm 2045**

Mã số thông tin quy hoạch: 202613095390

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Biên giới quốc gia ngày 17 tháng 6 năm 2003;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn ngày 26 tháng 11 năm 2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh; Nghị quyết số 1672/NQ-UBTVQH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Lạng Sơn năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 112/2014/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ quy định về quản lý cửa khẩu biên giới đất liền; Nghị định số 34/2023/NĐ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 112/2014/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ quy định về quản lý cửa khẩu biên giới đất liền; Nghị định số 299/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều các Nghị định của Chính phủ về biên phòng, biên giới quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 25 tháng 8 năm 2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Căn cứ Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn; Nghị định số 34/2026/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 1199/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch cửa khẩu trên tuyến biên giới đất liền Việt Nam - Trung Quốc thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 236/QĐ-TTg ngày 19 tháng 3 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Lạng Sơn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 339/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Lạng Sơn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 393/QĐ-TTg ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Nhiệm vụ Quy hoạch chung Khu vực cửa khẩu Chi Ma, tỉnh Lạng Sơn đến năm 2045;

Theo đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn tại Tờ trình số 227/TTr-UBND ngày 07 tháng 8 năm 2026 về việc đề nghị phê duyệt Quy hoạch chung Khu vực cửa khẩu Chi Ma, tỉnh Lạng Sơn đến năm 2045 và văn bản số 2295/UBND-KTCN ngày 19 tháng 8 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch chung Khu vực cửa khẩu Chi Ma, tỉnh Lạng Sơn đến năm 2045 với những nội dung như sau:

1. Phạm vi, quy mô và thời hạn lập quy hoạch

a) Phạm vi lập quy hoạch:

- Cửa khẩu Chi Ma có chính diện trùng với đường biên giới: Từ Mốc 1220/2 chạy dọc theo đường biên giới đến Mốc 1239, dài khoảng 5,8 km trên tuyến biên giới Việt Nam - Trung Quốc, cách đường quốc lộ 4B khoảng 12 km, cách trung tâm tỉnh Lạng Sơn khoảng 37 km, có vị trí địa chiến lược quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh quốc phòng tỉnh Lạng Sơn và khu vực biên giới phía Bắc.

- Phạm vi Khu vực cửa khẩu Chi Ma thuộc địa phận xã Mẫu Sơn, tỉnh Lạng Sơn. Ranh giới được xác định cụ thể như sau:

- + Phía Bắc giáp đường biên giới Việt - Trung;
- + Phía Nam giáp đường giao thông liên xã hiện trạng;
- + Phía Đông giáp suối Bản Thín;
- + Phía Tây giáp đất lâm nghiệp.

b) Quy mô lập quy hoạch: 535 ha.

c) Thời hạn lập quy hoạch:

- Giai đoạn ngắn hạn đến năm 2030;
- Giai đoạn dài hạn đến năm 2045.

2. Quan điểm, mục tiêu quy hoạch

- Cụ thể hóa Quyết định số 1199/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch cửa khẩu trên tuyến biên giới đất liền Việt Nam - Trung Quốc thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 339/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn về phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Lạng Sơn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; đáp ứng yêu cầu quản lý và phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm tổ chức không gian, kiến trúc, cảnh quan Khu vực cửa khẩu chính Chi Ma đồng bộ, hiện đại.

- Quy hoạch chung Khu vực cửa khẩu Chi Ma, tỉnh Lạng Sơn đến năm 2045 nhằm xây dựng Khu vực cửa khẩu chính Chi Ma thành một khu kinh tế phát triển năng động, hiệu quả, có tầm quốc tế, là một cực tăng trưởng quan trọng phía Đông tỉnh Lạng Sơn.

- Phát triển cửa khẩu Chi Ma theo hướng cửa khẩu thông minh, hiện đại, ứng dụng công nghệ số, chuyển đổi số trong quản lý, kiểm soát và thông quan hàng hóa nhằm tăng hiệu quả xuất nhập khẩu; tạo việc làm và thu nhập cho người dân khu vực biên giới; nâng cao năng lực cạnh tranh, tạo môi trường kinh doanh thuận lợi, thu hút doanh nghiệp đầu tư vào khu vực cửa khẩu, thúc đẩy phát triển kinh tế tại địa phương.

- Xây dựng Khu vực cửa khẩu Chi Ma trở thành khu vực phát triển văn minh, hiện đại, có môi trường xã hội thân thiện. Hình thành trung tâm dịch vụ cửa khẩu, thương mại cửa khẩu và dịch vụ du lịch cấp quốc gia, quốc tế. Phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại và mạng lưới dịch vụ hoàn chỉnh. Tạo môi trường thuận lợi để thu hút đầu tư, phát triển nguồn nhân lực và bảo đảm phát triển bền vững gắn với yêu cầu bảo vệ môi trường xanh, sạch, đẹp.

- Bảo đảm quốc phòng, an ninh quốc gia. Chủ động phòng ngừa, ngăn chặn các tác động tiêu cực ảnh hưởng đến an ninh, trật tự và an sinh xã hội trong quá trình phát triển khu vực cửa khẩu.

- Phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, tạo sinh kế cho người dân, góp phần bố trí, ổn định dân cư khu vực biên giới Việt Nam - Trung Quốc.

- Làm cơ sở pháp lý để triển khai các quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết các khu chức năng và các dự án đầu tư xây dựng.

3. Tính chất

- Là khu vực kinh tế, thương mại, dịch vụ và du lịch quan trọng của tỉnh. Tập trung phát triển các hoạt động kinh tế cửa khẩu, trung tâm logistics, kho bãi, trung chuyển và phân phối hàng hóa, cung ứng các dịch vụ hậu cần phục vụ hoạt động xuất nhập khẩu. Đồng thời là đầu mối giao thương liên vùng và quốc tế.

- Là khu vực cửa khẩu chính được định hướng phát triển hạ tầng đáp ứng yêu cầu nâng cấp lên cửa khẩu quốc tế trong tương lai.

- Là đầu mối giao thông quan trọng của tỉnh, có vị trí chiến lược về kinh tế xã hội, quốc phòng - an ninh.

4. Các chỉ tiêu dự báo phát triển và các chỉ tiêu quy hoạch

a) Quy mô dân số

- Dự báo đến năm 2030: khoảng 4.700 người (tỷ lệ tăng trung bình khoảng 25,66%/năm).

- Dự báo đến năm 2045: khoảng 6.900 người (tỷ lệ tăng trung bình khoảng 2,59%/năm).

b) Quy mô đất xây dựng

Đến năm 2045: Đất xây dựng khoảng 400 - 450 ha.

c) Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chính

Các chỉ tiêu hạ tầng xã hội: tuân thủ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng (QCVN 01:2021/BXD).

Trong quá trình triển khai lập quy hoạch lựa chọn chỉ tiêu khác với quy định tại QCVN 01:2021/BXD cần đưa ra các luận chứng đảm bảo tính phù hợp với điều kiện thực tế và nhu cầu phát triển của từng khu vực.

5. Các nội dung chính của quy hoạch

a) Định hướng phát triển không gian

- Mô hình và cấu trúc phát triển: Phát triển theo hướng 02 hành lang, 03 vùng phát triển.

+ Cấu trúc 02 hành lang gồm:

- . Hành lang đô thị - dịch vụ - logistics dọc tuyến ĐT.236 và tuyến Chi Ma - Co Sa: Là hành lang động lực kết nối từ quốc lộ 4B qua trung tâm hành chính xã Mẫu Sơn đến cửa khẩu Chi Ma và lối mở Co Sa. Tập trung phát triển các hoạt động thương mại, dịch vụ, logistics, bến bãi, kho ngoại quan và trung tâm phân phối hàng hóa. Dọc hành lang bố trí các khu chức năng như trung tâm logistics kho vận và các cụm dịch vụ hậu cần cửa khẩu. Đồng thời tăng cường các tuyến kết nối ngang nhằm bảo đảm liên kết không gian liên tục và đồng bộ.

. Hành lang biên giới Việt Nam - Trung Quốc: Là không gian vành đai biên giới kéo dài từ mốc 1220/2 đến mốc 1239, tập trung thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh kết hợp phát triển kinh tế cửa khẩu. Tổ chức các khu vực kiểm soát liên hợp Chi Ma - Ái Diễm và lối mở Co Sa gắn với tuyến đường tuần tra biên giới và hệ thống hạ tầng an ninh. Bảo đảm yêu cầu quản lý, kiểm soát biên giới, giữ vững chủ quyền quốc gia và an toàn khu vực biên giới.

+ Cấu trúc 03 phân vùng phát triển gồm:

. Vùng 1 - Khu vực cửa khẩu Chi Ma hiện hữu: Là trung tâm động lực bao gồm cửa khẩu chính và các hạ tầng trực tiếp phục vụ người qua lại biên giới. Không gian này bố trí trạm kiểm soát liên hợp, khu công cộng, thương mại dịch vụ cửa khẩu, chợ biên giới, dịch vụ lưu trú ngắn ngày và các công trình hành chính. Vùng 1 đóng vai trò là bộ mặt đối ngoại, là nơi diễn ra hoạt động giao lưu kinh tế, văn hóa, hợp tác song phương.

. Vùng 2 - Khu dịch vụ hậu cần cửa khẩu tập trung: Được xác định là không gian chuyên biệt phục vụ các hoạt động logistics và hệ thống kho bãi quy mô lớn. Khu vực này đảm nhận các chức năng chủ đạo như kho ngoại quan, bến bãi, trung tâm phân phối hàng hóa, khu lưu chứa hàng hóa chất, khu tái đóng gói, trung tâm logistics và các dịch vụ hỗ trợ vận tải,... Khi được hình thành đồng bộ, khu vực sẽ đóng vai trò là vùng động lực trọng yếu, tập trung các hoạt động xuất nhập khẩu, từ đó góp phần giảm áp lực lưu thông đối với Khu vực Chi Ma hiện hữu, bảo đảm dòng chảy hàng hóa xuyên biên giới thông suốt. Đồng thời, khu vực này tạo sự kết nối hiệu quả với trục giao thông đối ngoại sang cửa khẩu Ái Diễm (Trung Quốc), hình thành chuỗi logistics hoàn chỉnh đáp ứng yêu cầu phát triển thương mại biên giới trong giai đoạn mới.

. Vùng 3 - Khu vực nông nghiệp sinh thái kết hợp du lịch: Định hướng chủ đạo là không gian sinh thái cảnh quan gắn với hoạt động nông nghiệp quy mô phù hợp, kết hợp phát triển các loại hình nghỉ dưỡng, lưu trú ngắn hạn và dịch vụ thư giãn phục vụ chủ yếu cho cán bộ, công nhân viên, người lao động tại khu logistics, kho bãi cửa khẩu Chi Ma và các đoàn chuyên gia, đối tác tham gia giao lưu, hội đàm giữa hai nước. Đồng thời, khu vực được định hướng là vùng phát triển nông - lâm nghiệp và quỹ đất dự phòng phục vụ nhu cầu mở rộng các chức năng của khu cửa khẩu trong dài hạn khi cần thiết. Việc phát triển không gian được kiểm soát theo hướng hài hòa với địa hình tự nhiên, hệ sinh thái rừng và cảnh quan suối, ưu tiên các công trình mật độ thấp, kiến trúc sinh thái, hạn chế tác động đến môi trường tự nhiên. Khu vực có vai trò bổ trợ chức năng, tạo không gian nghỉ dưỡng, tái tạo sức lao động và dự trữ quỹ đất chiến lược cho toàn khu cửa khẩu.

- Định hướng quy hoạch các khu chức năng

+ Cơ quan, công sở, trụ sở làm việc:

. Trong bối cảnh phát triển hiện đại hóa khu vực cửa khẩu, việc xây dựng hệ thống cơ quan quản lý nhà nước, các công sở và trụ sở làm việc tại khu vực lối mở Co Sa là một định hướng quan trọng. Hệ thống này không chỉ bao gồm các đơn vị hành chính địa phương mà còn tích hợp các cơ quan chức năng chuyên ngành như hải quan, biên phòng, kiểm dịch... nhằm bảo đảm hiệu quả hoạt động quản lý cửa khẩu theo hướng chuyên nghiệp, đồng bộ, hiện đại.

. Đầu tư xây dựng hệ thống cửa khẩu theo định hướng hiện đại, từng bước ứng dụng công nghệ số, dữ liệu lớn và tự động hóa trong công tác kiểm tra, kiểm soát và xử lý thông quan. Đồng thời bố trí dư địa cho yêu cầu phát triển mô hình cửa khẩu thông minh trong tương lai. Qua đó nâng cao năng lực thông quan, rút ngắn thời gian xử lý thủ tục, minh bạch quy trình quản lý và giảm chi phí logistics.

. Định hình rõ khu vực trung tâm tài chính giao thương tại Khu vực cửa khẩu Chi Ma hiện hữu. Đây là đầu mối tổ chức các hoạt động giao dịch, ngân hàng, bảo hiểm, tài chính tín dụng và dịch vụ thương mại biên mậu. Đồng thời đóng vai trò là hạt nhân thúc đẩy thu hút đầu tư, phát triển dịch vụ và tạo động lực tăng trưởng cho khu vực biên giới.

+ Thương mại, dịch vụ hậu cần cửa khẩu:

. Để đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của hoạt động giao thương giữa Việt Nam và Trung Quốc, đặc biệt là sau khi lối thông quan Co Sa đi vào hoạt động, cần mở rộng đáng kể không gian cho khu vực thương mại dịch vụ và hậu cần cửa khẩu và hình thành trung tâm logistics.

. Các hạng mục cần quy hoạch bao gồm: trung tâm logistics, trung tâm giao nhận, kho bãi, trung tâm phân phối hàng hóa, khu lưu chứa hàng hóa chất, khu phân loại và bảo quản nông sản, bãi đỗ xe container, trạm kiểm tra kỹ thuật và dịch vụ sửa chữa phương tiện vận tải. Đồng thời, các công trình thương mại như siêu thị, trung tâm mua sắm, khu ăn uống - nghỉ ngơi cũng nên được bố trí hợp lý để phục vụ cả cư dân địa phương lẫn thương nhân, tài xế, du khách qua lại.

+ Du lịch:

. Phát triển du lịch Khu vực cửa khẩu Chi Ma theo mô hình kết hợp giữa giao thương cửa khẩu, trải nghiệm văn hóa vùng biên và du lịch sinh thái, góp phần đa dạng hóa chức năng và nâng cao giá trị phát triển tổng thể khu vực cửa khẩu. Khu vực cửa khẩu Chi Ma hiện hữu đóng vai trò là trung tâm giao lưu, giao thương và tập trung các hoạt động dịch vụ cửa khẩu, đồng thời hình thành động lực phát triển các loại hình dịch vụ du lịch ngắn ngày phục vụ chuyên gia, người lao động, doanh nghiệp và khách qua lại biên giới giữa Việt Nam và Trung Quốc.

. Phát triển du lịch sinh thái và du lịch trải nghiệm gắn với cảnh quan đồi núi, nông nghiệp bản địa và không gian văn hóa tại khu vực thôn Bản

Thín. Ưu tiên các mô hình du lịch quy mô phù hợp, hài hòa với tự nhiên như homestay, trải nghiệm nông nghiệp, tham quan cảnh quan và văn hóa vùng biên.

+ Định hướng phát triển nhà ở:

. Định hướng phát triển các khu nhà ở đa dạng, phù hợp với nhu cầu của nhiều nhóm đối tượng. Tại các khu vực dân cư tập trung, ưu tiên phát triển nhà ở liền kề, nhà ở kết hợp thương mại dịch vụ và các khu ở phục vụ người lao động, chuyên gia làm việc tại khu vực cửa khẩu.

. Quy hoạch bố trí quỹ đất tái định cư tại các vị trí phù hợp, có kết nối hạ tầng thuận lợi nhằm phục vụ công tác giải phóng mặt bằng và nhu cầu di dời dân cư khi triển khai các dự án đầu tư xây dựng. Các khu tái định cư được ưu tiên đầu tư đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội, bảo đảm điều kiện ổn định đời sống, sinh kế và khả năng tiếp cận dịch vụ thiết yếu cho người dân sau tái định cư.

- Định hướng phát triển khu vực dân cư đô thị:

Khu vực phát triển dân cư đô thị hiện hữu tại cửa khẩu Chi Ma giữ vai trò là trung tâm hành chính, thương mại, dịch vụ và giao lưu cửa khẩu. Định hướng phát triển các khu dân cư tập trung với mật độ phù hợp, gắn với hệ thống hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, đáp ứng nhu cầu sinh sống của người lao động, thương nhân, cán bộ biên phòng và người dân địa phương. Đồng thời hình thành các không gian công cộng, cây xanh, tuyến phố dịch vụ và các công trình điểm nhấn.

- Định hướng phát triển khu vực nông thôn:

+ Cải tạo, chỉnh trang và nâng cấp đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội tại các thôn, bản biên giới, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và nâng cao chất lượng sống của người dân.

+ Bảo tồn cảnh quan tự nhiên, không gian nông nghiệp và giá trị văn hóa truyền thống của cộng đồng dân cư địa phương. Khuyến khích phát triển nông nghiệp an toàn, hữu cơ gắn với du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng và trải nghiệm văn hóa vùng biên.

- Định hướng phát triển đối với các phân khu:

+ Phân khu 1 - Khu vực cửa khẩu Chi Ma hiện hữu: Diện tích tự nhiên khoảng 162,74 ha, trong đó đất xây dựng các khu chức năng khoảng 110 - 130 ha. Dân số khoảng: 5.400 người.

+ Phân khu 2 - Khu dịch vụ hậu cần cửa khẩu tập trung: Diện tích tự nhiên khoảng 247,39 ha, trong đó đất xây dựng các khu chức năng khoảng 210 - 230 ha.

+ Phân khu 3 - Khu vực nông nghiệp sinh thái kết hợp du lịch: Diện tích

tự nhiên khoảng 124,87 ha, trong đó đất xây dựng các khu chức năng khoảng 50 - 80 ha. Dân số khoảng: 1.500 người.

b) Quy hoạch sử dụng đất

Tổng diện tích đất tự nhiên là 535 ha. Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2045 như sau:

- Khu vực phát triển các chức năng: khoảng 404,23 ha chiếm 75,56% tổng diện tích đất tự nhiên khu vực nghiên cứu. Trong đó:

+ Phát triển dân cư đô thị khoảng 21,56 ha chiếm 4,03% tổng diện tích đất tự nhiên gồm đất phát triển dân cư đô thị hiện trạng, phát triển dân cư đô thị mới.

+ Phát triển hỗn hợp (dân cư, dịch vụ) khoảng 2,22 ha chiếm 0,41% tổng diện tích đất tự nhiên.

+ Dịch vụ, công cộng khoảng 9,27 ha; chiếm 1,73% tổng diện tích đất tự nhiên.

+ Cây xanh sử dụng công cộng khoảng 3,36 ha; chiếm 0,63% tổng diện tích đất tự nhiên.

+ Cây xanh sử dụng hạn chế khoảng 26,72 ha; chiếm 4,99% tổng diện tích đất tự nhiên.

+ Kho tàng, bến bãi khoảng 100,12 ha; chiếm 18,71% tổng diện tích đất tự nhiên.

+ Phát triển thương mại - dịch vụ - hậu cần cửa khẩu khoảng 131,66 ha; chiếm 24,61% tổng diện tích đất tự nhiên.

+ Cơ quan, trụ sở khoảng 5,76 ha; chiếm 1,08% tổng diện tích đất tự nhiên.

+ Phát triển dịch vụ, du lịch khoảng 23,38 ha; chiếm 4,37% tổng diện tích đất tự nhiên.

+ An ninh: khoảng 0,64 ha; chiếm 0,12% tổng diện tích đất tự nhiên.

+ Quốc phòng khoảng 15,39 ha; chiếm 2,88% tổng diện tích đất tự nhiên.

+ Đất giao thông khoảng 60,71 ha; chiếm 11,35% tổng diện tích đất tự nhiên.

+ Hạ tầng kỹ thuật khác 3,45 ha; chiếm 0,64% tổng diện tích đất tự nhiên.

- Khu đất nông nghiệp và chức năng khác: khoảng 130,77 ha chiếm 24,44% tổng diện tích đất tự nhiên khu vực nghiên cứu bao gồm:

- + Sản xuất nông nghiệp khoảng 20,11 ha.
- + Lâm nghiệp khoảng 102,97 ha.
- + Sông suối, kênh, rạch, nuôi trồng thủy sản khoảng 7,68 ha.

(chi tiết tại phụ lục kèm theo)

c) Định hướng hệ thống hạ tầng kỹ thuật

- Định hướng hệ thống giao thông

+ Giao thông đối ngoại:

. Đường tỉnh 236: Đoạn từ ranh giới đến Khu vực Trạm kiểm soát liên hợp cửa khẩu Chi Ma, chiều dài khoảng 1,0 km, giữ nguyên chiều rộng nền đường hiện có với bề rộng mặt đường 8 - 15 m, vỉa hè mỗi bên rộng 4,5 m (mặt cắt A-A). Cải tạo, nâng cấp các công trình trên đoạn tuyến đáp ứng yêu cầu cấp đường.

. Đường tuần tra biên giới: Tiếp tục đầu tư, hoàn thành mở rộng các đoạn trong ranh giới quy hoạch, kết hợp mục tiêu quốc phòng và đảm bảo an sinh cho nhân dân vùng biên giới. Đoạn đường đi qua khu vực quy hoạch dài 7,0 km.

. Tuyến đường Chi Ma - Co Sa mới: có vai trò quan trọng kết nối mạng giao thông của khu vực cửa khẩu đối với tỉnh Lạng Sơn và quốc gia:

Đoạn 1: kết nối từ đường tỉnh 236 đến nút giao dài 3,95 km được thiết kế lộ giới 33 m (mặt cắt 2-2).

Đoạn 2: đoạn tiếp theo đến lối thông quan Co Sa mới, là điểm giao thương giữa Việt Nam và Trung Quốc dự kiến xây mới, lộ giới giao thông khớp nối với phía Ninh Minh (Trung Quốc) (mặt cắt 1-1) thiết kế lộ giới 50 m.

. Đường trục chính cửa khẩu Chi Ma: Mặt cắt 8-8 lộ giới 27 m (trong đó lòng đường: 15,0 m; vỉa hè: $2 \times 6,0 \text{ m} = 12,0 \text{ m}$).

+ Giao thông nội vùng:

. Đường liên khu vực, chính khu vực:

Đường chuyên dụng vận tải hàng hóa đầu nối từ cửa khẩu Chi Ma mở rộng tuyến đường chuyên dụng xuất nhập khẩu hàng hóa từ 04 làn xe lên 06 làn xe (lộ giới 27 m), bao gồm: 03 làn xe xuất, 03 làn xe nhập.

Khu vực Co Sa thiết kế tuyến đường chuyên dụng xuất nhập khẩu hàng hóa 10 làn xe (lộ giới 50 m mặt cắt 1-1), bao gồm: 05 làn xe xuất, 05 làn xe nhập.

Thiết kế đường mặt cắt 3-3 có lộ giới 24 m (trong đó lòng đường 14,0 m; vỉa hè: $2 \times 5,0 \text{ m} = 10,0 \text{ m}$).

Thiết kế đường mặt cắt 6-6 có lộ giới 23,5 m (trong đó lòng đường: 13,5 m; vỉa hè: $2 \times 5,0 \text{ m} = 10,0 \text{ m}$).

. Đường khu vực:

Thiết kế đường mặt cắt 4-4 có lộ giới 17 m (trong đó lòng đường: 9,0 m; vỉa hè: $2 \times 4,0 \text{ m} = 8,0 \text{ m}$).

Thiết kế đường mặt cắt 5-5 có lộ giới 16,0 m (trong đó lòng đường: 8,0 m; vỉa hè: $2 \times 4,0 \text{ m} = 8,0 \text{ m}$).

Thiết kế đường mặt cắt 7A-7A có lộ giới 14,0 m (trong đó lòng đường: 8,0 m; vỉa hè: $2 \times 3,0 \text{ m} = 6,0 \text{ m}$).

+ Xác định vị trí, quy mô các công trình giao thông:

Quy hoạch kho bãi bãi xe hàng trong ranh giới quy hoạch: Quy hoạch hệ thống kho bãi xe hàng giữa 02 khu vực Chi Ma và Co Sa, tổng diện tích 100,12 ha.

- Định hướng chuẩn bị kỹ thuật:

+ Giải pháp công trình thủy lợi chính và phòng chống thiên tai:

. Đối với hệ thống sông, suối trong khu vực quy hoạch cần bảo vệ và duy trì tối đa hiện trạng tự nhiên, bảo đảm khả năng thoát lũ lưu thông dòng chảy. Quản lý chặt chẽ hành lang bảo vệ nguồn nước, hành lang thoát lũ và phạm vi an toàn hồ đập theo quy định pháp luật.

. Tăng cường quản lý, bảo vệ nghiêm ngặt diện tích rừng phòng hộ. Khuyến khích phát triển hệ sinh thái rừng đa tầng, nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác và phục hồi rừng bền vững. Qua đó góp phần điều tiết dòng chảy, tăng khả năng bổ cập nguồn nước ngầm, hạn chế nguy cơ lũ quét, xói mòn và sạt lở đất.

. Đối với các khu vực có nguy cơ cao xảy ra thiên tai, lũ quét và sạt lở đất theo cảnh báo của cơ quan chức năng, cần nghiên cứu phương án di dời, sắp xếp dân cư đến các khu vực tái định cư an toàn, ưu tiên bố trí tại Khu vực

cửa khẩu Chi Ma và các vị trí có điều kiện hạ tầng phù hợp, bảo đảm ổn định đời sống và sinh kế của người dân.

+ Giải pháp cao độ nền xây dựng

. Các khu vực đã xây dựng ổn định: Đối với các khu vực đã xây dựng ổn định như Khu vực cửa khẩu Chi Ma hiện hữu, khi thực hiện cải tạo, chỉnh trang hoặc xây dựng mới xen cấy cần cơ bản giữ nguyên cao độ nền hiện trạng đã được khống chế theo quy hoạch. Cao độ nền xây dựng công trình phải bảo đảm cao hơn cao độ nền hiện trạng, đồng thời không làm ảnh hưởng đến khả năng thoát nước chung của khu vực và các khu chức năng lân cận.

. Các khu vực xây dựng mới:

Các khu vực dự kiến xây dựng mới có độ dốc nền $i \leq 10\%$ thì giữ nguyên cao độ hiện trạng, chỉ san nền cục bộ tạo mặt bằng xây dựng công trình, không đào đắp lớn.

Các khu vực sườn đồi có độ dốc nền $i > 10\%$ khi khai thác quỹ đất xây dựng công trình, cần san nền giạt cấp, bám sát cao độ nền hiện trạng, không đào, đắp lớn, tránh phá vỡ cảnh quan tự nhiên. Khối lượng đào đắp nền cân bằng tại chỗ.

+ Giải pháp thoát nước mưa

. Hệ thống: lựa chọn hệ thống thoát nước mưa riêng để đảm bảo an toàn vệ sinh môi trường nước mặt cho hệ thống sông, suối, hồ đập tự nhiên trên địa bàn.

. Toàn bộ khu vực được chia làm 03 lưu vực chính thoát nước mưa, toàn bộ nước mưa trong khu vực theo cơ chế tự thấm hoặc đưa về sông suối.

Lưu vực 1: hiện trạng cửa khẩu Chi Ma phía Tây.

Lưu vực 2: lưu vực suối Bắc Khuổi trung tâm.

Lưu vực 3: lưu vực sông Bản Thín phía Đông.

+ Các trục suối tự nhiên, các khe tự thủy hiện trạng thì cần giữ lại tối đa và hạn chế phát triển xây dựng trên các vị trí trục tiêu trên để phòng chống lũ quét và sạt lở đất. Nếu cần phát triển xây dựng trên các trục suối và khe tự thủy này thì cần phải có giải pháp nắn chỉnh và hoàn trả phù hợp đảm bảo lòng dẫn tự nhiên được thông suốt và dự phòng hành lang bảo vệ theo quy định của Luật Tài nguyên nước.

- Định hướng cung cấp năng lượng

+ Tổng nhu cầu cấp điện đến năm 2045 khoảng: 8,8 MW.

+ Nguồn điện: Sử dụng điện từ nguồn trạm 110kV Lộc Bình công suất hiện nay: 1x40MVA, đến năm 2030: 2x40MVA.

+ Lưới điện trung thế: Xây dựng mới các xuất tuyến đảm bảo đồng bộ với các xuất tuyến của trạm biến áp 110kV Lộc Bình và theo lưới điện tại khu vực. Khi xây dựng đồng bộ hóa với hạ tầng khu vực, tránh đầu tư nhiều lần, gây lãng phí và mất mỹ quan. Kết cấu lưới trung thế khu vực tuân thủ nguyên tắc xây dựng mạch vòng kín vận hành hở và có liên kết, hỗ trợ nhau. Đối với các khu vực dân cư nông thôn; khu vực phát triển dịch vụ hậu cần cửa khẩu và kho tàng, bến bãi có thể đi nổi trong giai đoạn trước mắt. Giai đoạn dài hạn khi được bố trí đủ kinh phí sẽ tiến hành cải tạo hạ ngầm theo lộ trình của ngành điện.

+ Trạm biến áp: Trạm biến áp trung thế hiện có nằm trong ranh giới nghiên cứu quy hoạch sẽ vẫn được sử dụng. Dài hạn sẽ được cải tạo chuyển đổi để đảm bảo mỹ quan và nâng công suất phù hợp với các phụ tải tính toán.

+ Lưới điện hạ thế: Bán kính cấp điện đối với khu vực phát triển dân cư xây dựng mới ≤ 400 m, khu vực nông thôn có bán kính cấp điện ≤ 700 m.

+ Lưới chiếu sáng:

. Nguồn điện cấp cho chiếu sáng được lấy ở đầu hạ áp của các trạm chiếu sáng gần nhất.

. Chiếu sáng giao thông: Bảo đảm các chức năng về chiếu sáng, định vị, dẫn hướng cho các đối tượng tham gia giao thông hoạt động an toàn về ban đêm. Các chỉ tiêu định lượng, chất lượng chiếu sáng bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật về chiếu sáng quy định cho từng loại công trình giao thông.

- Định hướng cấp nước:

+ Nhu cầu dùng nước: đến năm 2045 khoảng 3.060 m³/ngày đêm.

+ Nguồn cấp nước: Nước mặt sông Bản Thín, hệ thống các hồ, suối và nước ngầm trong khu vực.

+ Công trình đầu mối theo các giai đoạn phát triển:

. Giai đoạn đầu tiếp tục sử dụng trạm cấp nước Chi Ma có công suất thiết kế 1.000 m³/ngày đêm lấy nguồn từ suối Long Đầu kết hợp khai thác nước ngầm cục bộ phục vụ nhu cầu trong giai đoạn đầu xây dựng khi cần thiết.

. Dự kiến xây mới Nhà máy nước Chi Ma với công suất đến năm 2030 khoảng 1.000 m³/ngày đêm, đến năm 2045 nâng công suất khoảng 2.100 m³/ngày đêm lấy nguồn từ sông Bản Thín.

. Giai đoạn dài hạn, khi nhà máy nước hồ Bản Lải đi vào vận hành ổn định trở thành nguồn cấp nước chính cho khu vực và các khu vực lân cận trong tương lai, các trạm cấp nước hiện có sẽ chuyển đổi thành các nguồn cấp nước dự trữ hoặc trạm bơm tăng áp (trạm cấp nước Chi Ma, Nhà máy nước Chi Ma,...).

+ Mạng lưới cấp nước được thiết kế mạng vòng để đảm bảo an toàn cấp nước.

+ Các tuyến ống phân phối cũ đã xuống cấp tiến hành cải tạo, nâng cấp hoặc thay mới để đảm bảo tỷ lệ thất thoát và rò rỉ thấp.

+ Dân cư các khu vực khó khăn, hẻo lánh sử dụng các công trình cấp nước phân tán xử lý từ các nguồn nước lộ thiên, nguồn nước ngầm,...

+ Công tác phòng cháy và chữa cháy: Tuân thủ Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ số 55/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024; Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 06:2022/BXD về an toàn cháy cho nhà và công trình và các quy định chuyên ngành.

(Vị trí, quy mô công suất, phạm vi cấp nước của các nhà máy nước, các công trình đầu mối trên hệ thống và mạng lưới cấp nước sẽ được xem xét bổ sung phù hợp nhu cầu dùng nước, điều kiện thực tế tại địa phương, các quy hoạch liên quan, dự án đầu tư,... được cấp thẩm quyền chấp thuận và phê duyệt).

- Định hướng thoát nước thải, thu gom xử lý chất thải rắn, nghĩa trang

+ Thoát nước thải:

Tổng lượng thải nước phát sinh đến năm 2045 khoảng 2.500m³/ngđ (trong đó nước thải sinh hoạt khoảng 950m³/ngđ, nước thải các hoạt động kho bãi khoảng 1.550m³/ngđ).

Xây dựng hệ thống thoát nước và xử lý nước thải sinh hoạt riêng với hệ thống thoát nước mưa. Đảm bảo thu gom toàn bộ nước thải công nghiệp, y tế,... và thu gom tối đa nước thải sinh hoạt đưa về xử lý tập trung.

Các khu vực khu kho tàng, bến bãi, khu dịch vụ, du lịch xử lý theo dự án riêng sau đó được đưa về xử lý tại trạm XLNT tập trung của khu đạt quy chuẩn trước khi thoát ra hệ thống thoát nước chung.

+ Quản lý chất thải rắn (CTR): Dự báo tổng lượng chất thải rắn trong khu vực khoảng 29 tấn/ngày đêm; phân loại chất thải rắn ngay tại nguồn phát sinh; chất thải rắn công nghiệp, y tế nguy hại phải thu gom, vận chuyển và xử lý riêng; giai đoạn đầu, chất thải rắn được thu gom vận chuyển về khu xử lý CTR hiện hữu. Giai đoạn dài hạn: Sau khi hạ tầng cấp vùng hoàn thiện sẽ tiến hành thu gom vận chuyển về khu xử lý được xác định.

+ Quy hoạch nghĩa trang: Giai đoạn ngắn hạn sẽ tiếp tục sử dụng nghĩa trang hiện hữu. Sau khi hoàn thiện hạ tầng theo định hướng quy hoạch xã Mẫu Sơn (mới) sẽ dần chuyển dịch về các nghĩa trang tuân thủ quy hoạch này hoặc các quy hoạch chuyên ngành xác định.

- Định hướng hệ thống hạ tầng viễn thông thụ động:

+ Xây dựng tuyến truyền dẫn quang nội tỉnh bảo đảm dung lượng cao, kết nối liên vùng, ưu tiên xây dựng cửa khẩu thông minh, bao gồm các khu dân cư tập trung và các khu vực cửa khẩu quốc tế, phục vụ nhu cầu phát triển các dịch vụ băng rộng, tốc độ và chất lượng cao. Bảo đảm băng thông truyền dẫn cho các dịch vụ viễn thông băng rộng khác như lưu trữ, truyền tải video, hình ảnh, dữ liệu, điện toán đám mây...

+ Đầu tư, xây dựng, phát triển hạ tầng băng rộng di động chất lượng cao (5G/6G...) trên toàn khu vực; ưu tiên xây dựng trạm BTS không công kênh và trạm BTS thân thiện môi trường; từng bước chuyển đổi cột anten các trạm BTS từ cột anten công kênh sang cột anten không kênh và thân thiện với môi trường. Bảo đảm bán kính phục vụ có một trạm truy nhập thông tin di động (bao gồm cả small cells 5G) tối thiểu đạt 1,2 km/cột.

+ Hạ tầng viễn thông khu vực được định hướng xây dựng trên nền tảng mạng truyền dẫn băng thông rộng, tốc độ cao, bảo đảm khả năng mở rộng linh hoạt theo nhu cầu phát triển trong từng giai đoạn. Hỗ trợ đa dạng phương thức truy nhập, kết nối liên thông đồng bộ, tương thích với hệ thống mạng viễn thông quốc gia và đáp ứng yêu cầu triển khai các dịch vụ số, dịch vụ thông minh trong khu vực cửa khẩu.

- Bảo vệ môi trường:

+ Bảo vệ nguồn nước, chất lượng các sông, suối đầu nguồn. Ưu tiên khai thác nước mặt, đảm bảo tỷ lệ khai thác hợp lý giữa nước mặt và nước ngầm với nước sinh hoạt, sản xuất. Phát triển không gian cảnh quan cây xanh trong khu vực, cải thiện môi trường cho cư dân.

+ Kiểm soát ô nhiễm, giám sát tác động môi trường trong phát triển dân cư mới, đầu tư đồng bộ hệ thống hạ tầng môi trường. Áp dụng đồng bộ các giải pháp hạ tầng xanh, thoát nước bền vững tạo cảnh quan ứng phó với thiên tai và biến đổi khí hậu.

+ Kiểm soát nguy cơ ô nhiễm môi trường khu vực kho bãi, dịch vụ hậu cần. Hạn chế tối đa các tác động tiêu cực của quá trình công nghiệp hóa, phát triển các khu chế xuất, dịch vụ, thương mại,... tới môi trường.

+ Nâng cao nhận thức cho người dân về môi trường, tăng cường giáo dục pháp luật. Thường xuyên triển khai có hiệu quả công tác kiểm soát, hướng dẫn thực thi pháp luật về môi trường.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn:

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác của nguồn gốc tài liệu, cơ sở dữ liệu (số liệu, bản đồ) của các ngành, lĩnh vực để nghiên cứu, lập Quy hoạch chung Khu vực cửa khẩu Chi Ma; sự phù hợp với các dự án hạ tầng kỹ thuật đang được triển khai trên địa bàn; sự thống nhất của toàn bộ quy hoạch tại thuyết minh và hệ thống bản đồ; căn cứ, cơ sở dự báo quy mô dân số, sử dụng đất quy hoạch bảo đảm phù hợp các định hướng liên quan tại Quy hoạch tổng thể quốc gia, các quy hoạch ngành quốc gia, Quy hoạch vùng trung du và miền núi phía Bắc, Quy hoạch tỉnh Lạng Sơn; tuân thủ quy định hiện hành của pháp luật về đất đai, đầu tư, nhà ở, xây dựng, biên phòng, biên giới quốc gia và pháp luật khác có liên quan; tiếp thu ý kiến, phối hợp các bộ, ngành liên quan triển khai thực hiện quy hoạch theo đúng quy định pháp luật, bảo đảm các vấn đề về quốc phòng, an ninh, biên giới quốc gia, thích ứng với biến đổi khí hậu; không để xảy ra các chồng chéo, tranh chấp, khiếu kiện trong quá trình tổ chức thực hiện.

- Chịu trách nhiệm về nội dung báo cáo thẩm định Quy hoạch chung Khu vực cửa khẩu Chi Ma, tỉnh Lạng Sơn đến năm 2045 bảo đảm đúng quy định pháp luật. Rà soát, đóng dấu thẩm định xác nhận hồ sơ Quy hoạch chung (thuyết minh, bản vẽ, quy định quản lý theo quy hoạch) bảo đảm đúng Quyết định phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ; lưu trữ, lưu giữ hồ sơ Quy hoạch chung được duyệt theo quy định pháp luật. Hướng dẫn, kiểm tra việc triển khai thực hiện Quy hoạch chung Khu vực cửa khẩu Chi Ma, tỉnh Lạng Sơn đến năm 2045 đảm bảo tuân thủ đúng quy định pháp luật.

- Chủ trì, chỉ đạo tổ chức công bố công khai Quy hoạch chung Khu vực cửa khẩu Chi Ma, tỉnh Lạng Sơn đến năm 2045 được phê duyệt theo quy định; đăng tải, cập nhật hồ sơ quy hoạch được phê duyệt trên Cổng thông tin Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng.

- Phê duyệt và ban hành Quy định quản lý theo Quy hoạch chung Khu vực cửa khẩu Chi Ma, tỉnh Lạng Sơn đến năm 2045 theo quy định.

- Xây dựng và ban hành Kế hoạch thực hiện Quy hoạch chung; tổ chức lập, phê duyệt, điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn, dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khung trong đô thị theo đúng quy định, tuân thủ quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia, pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn, xây dựng, đất đai, đầu tư và các quy định pháp luật, các quy định khác có liên quan, bảo đảm thống nhất và phù hợp với Quy hoạch chung Khu vực cửa khẩu Chi Ma, tỉnh Lạng Sơn được phê duyệt.

- Xây dựng, đề xuất cơ chế chính sách, nguồn lực tài chính, nhân lực, thực hiện các dự án hạ tầng kỹ thuật tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Lạng Sơn. Phối hợp lồng ghép nguồn vốn giữa quy hoạch đô thị và nông thôn với các chương trình mục tiêu quốc gia, phát triển kinh tế, xã hội khác được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo đúng quy định.

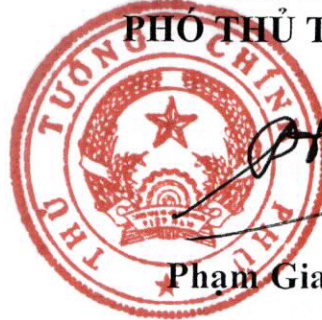
2. Giao các bộ, ngành trung ương: theo chức năng, nhiệm vụ hướng dẫn, kiểm tra, phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn trong quá trình tổ chức thực hiện quy hoạch nêu trên bảo đảm tuân thủ đúng quy định pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Bộ trưởng Bộ Xây dựng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ: Xây dựng, Quốc phòng, Công an, Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường, Ngoại giao, Công Thương, Khoa học và Công nghệ, Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh Lạng Sơn;
- Ban Quản lý Khu KTCK Đồng Đăng - Lạng Sơn;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, các Vụ, Cục, Công báo;
- Lưu: VT, CN (2b). ĐTQ *u*



**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**

Phạm Gia Túc
Phạm Gia Túc



Phụ lục

**BẢNG TỔNG HỢP QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT QUY HOẠCH CHUNG KHU VỰC CỬA KHẨU CHI MA,
TỈNH LẠNG SƠN ĐẾN NĂM 2045**

(Kèm theo Quyết định số 1723/QĐ-TTg ngày 04 tháng 9 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Chức năng đất	Hiện trạng		Đến năm 2030			Đến năm 2045		
		Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Chỉ tiêu m ² /người	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Chỉ tiêu m ² /người
	Tổng diện tích nghiên cứu	535,00	100,00	535,00	100,00		535,00	100,00	
I	Khu vực xây dựng các khu chức năng	89,88	16,80	254,23	47,52		404,23	75,56	
1	Phát triển dân cư đô thị	19,53	3,65	16,82	3,14	35,78	21,56	4,03	31,24
1.1	Phát triển dân cư đô thị hiện trạng			10,82	2,02		10,82	2,02	
1.2	Phát triển dân cư đô thị mới			6,00	1,12		10,74	2,01	
2	Phát triển hỗn hợp			2,22	0,41		2,22	0,41	
3	Dịch vụ - công cộng	2,92	0,54	9,27	1,73	19,73	9,27	1,73	13,44
4	Cây xanh sử dụng công cộng	3,21	0,60	3,36	0,63	7,14	3,36	0,63	4,86
5	Cây xanh sử dụng hạn chế			7,14	1,33		26,72	4,99	
6	Phát triển thương mại - dịch vụ - hậu cần cửa khẩu	25,16	4,70	81,91	15,31		131,66	24,61	
7	Kho tàng, bến bãi			62,96	11,77		100,12	18,71	
8	Cơ quan, trụ sở	1,90	0,35	5,76	1,08		5,76	1,08	
9	Phát triển dịch vụ du lịch						23,38	4,37	
10	An ninh	0,64	0,12	0,64	0,12		0,64	0,12	
11	Quốc phòng	15,34	2,87	15,39	2,88		15,39	2,88	
12	Giao thông	21,14	3,95	45,32	8,47		60,71	11,35	
13	Hạ tầng kỹ thuật khác	0,05	0,01	3,45	0,64		3,45	0,64	

STT	Chức năng đất	Hiện trạng		Đến năm 2030			Đến năm 2045		
		Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Chỉ tiêu m ² /người	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Chỉ tiêu m ² /người
II	Khu vực nông nghiệp và chức năng khác	445,12	83,20	280,77	52,48		130,77	24,44	
1	Sản xuất nông nghiệp	53,51	10,00	20,11	3,76		20,11	3,76	
2	Lâm nghiệp	371,59	69,46	252,97	47,28		102,97	19,25	
3	Chưa sử dụng	8,06	1,51						
4	Hồ, ao, đầm	0,32	0,06						
5	Sông, suối, kênh, rạch	11,64	2,18	7,68	1,44		7,68	1,44	